

Số: /TTYT-KD

Lạng Giang, ngày 23 tháng 01 năm 2025

V/v yêu cầu báo giá hóa chất, sinh phẩm
khoa Xét nghiệm năm 2025 cho Máy Sinh
hóa tự động AU480, Máy điện giải EXCBIO
EA5400, Máy huyết học Laser OX-580;

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ danh mục dự trù của Khoa Xét nghiệm, Biên bản Hội đồng khoa học Đơn vị ngày 13/01/2025 về việc thống nhất danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật của hoá chất đề nghị mua sắm phục vụ công tác chuyên môn của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang;

Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán gói thầu: “Mua sắm hoá chất xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ và tên: Hà Văn Vỹ
 - Chức vụ: Phó trưởng Khoa Dược-vật tư, thiết bị y tế
 - Số điện thoại: 0919 141 668
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư hoặc Khoa Dược-vật tư, thiết bị y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang; Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;
 - Nhận qua email: Havybvlg@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 23 tháng 01 năm đến trước 15h ngày 07 tháng 02 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 100 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Hoá chất xét nghiệm đề nghị báo giá như sau:

1.1. Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy Sinh hóa tự động AU480

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin	Dùng trong xét nghiệm Albumin R1: Succinate buffer, pH 4.2 75 mmol/l Bromcresol green 0.15 mmo/l Brij 35 7 ml/l Detergents and stabilizers > 0.1% Bảo quản thuốc thử ở 2-8°C. Quy cách: 4x65ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	140
2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT	Dùng trong xét nghiệm GPT(ALAT) IFCC R1: Tris buffer pH 7.8 100 mmol/l L-Alanine 500 mmol/l LDH 1200 U/l R2: NADH2 0.18 mmol/l 2-Oxoglutarate 15 mmol/l Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Hộp: 4x65ml+4x13ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	12480
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Amylase	Dùng trong xét nghiệm Amylase R1:Hepes *buffer, pH 7,15 52.5 mmol/l NaCl 87 mmol/l CaCl2 0.075 mmol/l α -Glucosidase mod. > 8 KU/l Preservative R2: Hepes buffer, pH 7.15 52.5 mmol/l 4.6-ethylidene-G7PNP 22 mmol/l Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Hộp: 4x65ml+4x13ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	234

4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST	Dùng trong xét nghiệm GOT(ASAT) IFCC R1: Tris buffer pH 7.8 100 mmol/l L-Aspartate 200 mmol/l LDH 800 U/l MDH 600 U/l R2: NADH ₂ 0.18 mmol/l 2-Oxoglutarate 12 mmol/l Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Hộp: 4x65ml+4x13ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	12480
5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calcium	Dùng trong xét nghiệm Calcium-CPC R1: Ethanolamine, pH 10.7 1 mol/l R2: o-Cresolphthalein complexone 0.3 mmol/l 8-hydroxyquinoline 13.8 mmol/l HydroChloric acid 122 mmol/l detergent Bảo quản thuốc thử ở 2-8°C. Hộp: 4x65ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	260
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Dùng trong xét nghiệm CHOLESTEROL R1: Pipes buffer, pH 6.9 90 mmol/l Phenol 26 mmol/l Cholesterol oxidase 200 U/l Cholesterol esterase 300 U/l Peroxidase 1250 U/l 4-Aminoantipyrine 0.4 mmol/l Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Hộp: R1: 4x65ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	4680
7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK-MB	Thành phần: R1: Imidazol buffer pH 6,7 100 mmol/ l Mg-Acetate 10 mmol / l glucose 20 mmol / l N-acetyl-cysteine 20 mmol / l NADP 2 mmol / l G6P-DH 1500U/I HK 2500U/I Diadenosine pentaphosphate 10 µmol / l CK-M-antibody 1000U/I	ml	146

		R2: creatine phosphate 30 mmol / l ADP 2 mmol / l AMP 5 mmol / l adenosine 10 mmol / l Hộp: 2x65ml + R2: 2x13 mL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Thuộc các nước Châu Âu		
8	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	CK-MB Calibrator là chất chuẩn đồng khô dựa trên albumin huyết thanh bò với các chất phụ gia hóa học và vật liệu tinh khiết có nguồn gốc cụ thể. Hộp: 6x1 mL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Thuộc các nước Châu Âu	ml	6
9	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm CK-MB giải thấp	Hoá chất kiểm chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hoá giải thấp Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Lọ: 1x5ml (Hộp 10x5ml) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	60
10	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm CK-MB giải cao	Hoá chất kiểm chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hoá giải cao Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Lọ: 1x5ml (Hộp 10x5ml) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	60
11	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	Dùng trong xét nghiệm Creatinine Jaffe R1: Sodium hydroxide 0.20 mol/l R2: Picric acid 25 mmol/l Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Hộp: 4x65ml +4x13ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	5616
12	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CRP	Thành phần: R 1: Glycine buffer: ≤ 0.12 mol/L Sodium azide: ≤ 0.99 g/L pH: 8.6 R 2: Suspension of latex particles coated with anti-human CRP antibodies: Sodium azide: ≤ 0.99 g/L Hộp: 2x50ml + 2x50 mL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Thuộc các nước Châu Âu	ml	200
13	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng	Thành phần: Dung dịch pha loãng của huyết tương người	ml	6

	CRP	và dịch màng phổi chứa hàm lượng CRP cao với dung dịch muối đệm phosphate Tiêu chuẩn: CE ; ISO 13485 Hộp 1x1ml Xuất xứ: Các nước thuộc Châu Âu		
14	Hoá chất kiểm tra CRP mức thấp	Hoá chất kiểm tra CRP mức thấp Hộp: 5 x 1 mL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Thuộc các nước Châu Âu	ml	6
15	Hoá chất kiểm tra CRP mức cao	Hoá chất kiểm tra CRP mức cao Hộp: 5 x 1 mL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Thuộc các nước Châu Âu	ml	6
16	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Dùng trong xét nghiệm Bilirubin Total R1: Citrate Buffer (pH 2.9) 0.1 mol/L Detergent R2: Phosphate buffer (pH 7.0) 10 mmol/L Sodium metavanadate 4 mmol/L Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Hộp: 4x65+4x13ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	936
17	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Dùng trong xét nghiệm Bilirubin Direct-DC R1: Citrate Buffer (pH 2.9) 0.1 mol/L Detergent R2: Phosphate buffer (pH 7.0) 10 mmol/L Sodium metavanadate 4 mmol/L Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Hộp: 4x65ml+4x13ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	936
18	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT	Dùng trong xét nghiệm g-GT IFCC R1: Tris Glycylglycin buffer pH 8.25 100 mmol/l R2: L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 2.9 mmol/l Hộp: 4x65ml+4x13ml Bảo quản thuốc thử ở 2-8°C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	624
19	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Dùng trong xét nghiệm Glucose-GOD PAP Phosphate buffer, pH 7.5 0.1 mol/l Phenol 7.5 mmol/l GOD 12000 U/l POD 660 U/l	ml	9620

		<p>4 – Amino-antipyrine 0.40 mmol/l Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Hộp: 4x65ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7</p>		
20	<p>Hoá chất xét nghiệm định lượng HDL- cholesterol</p>	<p>Dùng trong xét nghiệm HDL-Direct R1: Good's buffer, pH 7.0 100 mmol/l Cholesterol oxidase >0.8 KU/l Cholesterol esterase >1.0 KU/l Catalase >500 KU/l HDCBS 0.5 mmol/l R2: Peroxidase 30 KU/l 4-Aminoantipyrine 4 mmol/l Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Hộp: 4x60ml+4x20ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7</p>	ml	3200
21	<p>Hoá chất xét nghiệm LDL-cholesterol</p>	<p>Dùng trong xét nghiệm LDL-Direct R1: Good's buffer, pH 7,0 50 mmol/l Cholesterol oxidase 500 U/l Cholesterol esterase 600 U/l Catalase 600 KU/l Ascorbate oxidase 3 KU/l TOOS 2 mmol/l R2: Peroxidase 4 KU/l 4-Aminoantipyrine 4 mmol/l Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Hộp: 4x60ml +4x20ml Xuất xứ: Các nước thuộc G7 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	3200
22	<p>Chất chuẩn chung cho các xét nghiệm sinh hoá</p>	<p>Hoá chất hiệu chuẩn thông số xét nghiệm sinh hoá Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Lọ: 1x3ml (Hộp 6x3ml) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7</p>	ml	36

23	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Protein	Dùng trong xét nghiệm Protein total Potassium iodide 30 mmol/l Potassium sodium tartrate 32 mmol/l Copper sulphate 18 mmol/l Sodium hydroxide 200 mmol/l Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Hộp: 4x65ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	130
24	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Dùng trong xét nghiệm Triglycerides Pipes buffer pH 7.8 50 mmol/l p-Chlorophenol 2 mmol/l Lipoprotein lipase 150000 U/l Glycerolkinase 800 U/l Glycerol - 3 - P- oxidase 4000 U/l Peroxidase 440 U/l 4-Aminoantipyrine 0.7mmol/l ATP 0.3mmol/l Mg ²⁺ 40 mmol/l Na-cholat 0.20 mmol/l Potassium-Hexacyanoferrat(II) 1µmol/l Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Hộp: 4x65ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	3640
25	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea	Dùng trong xét nghiệm Urea-UV R1: TRIS buffer pH 7.8 50 mmol/l GLDH \geq 0.80 U/l Urease \geq 12 U/ml R2: TRIS buffer pH 9.6 100 mmol/l 2-oxoglutarate 8.3 mmol/l NADH \geq 0.23 mmol/l Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Hộp: 4x65ml+4x13ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	5772
26	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Acid Uric	Dùng trong xét nghiệm Uric Acid R1: Phosphate buffer pH 7.4 50 mmol/l DHBSA 7 mmol/l Preservative (*3,5-Dichloro-2-hydroxy-benzenesulfonic acid) R2: Uricase 6kU/l	ml	780

		<p>POD 5 kU/l Aminoantipyrine 1 mmol/l Preservative Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Hộp: 4x65ml+4x13ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7</p>		
27	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hoá tự động	<p>Dung dịch làm sạch có tính kiềm dạng nước được sử dụng để làm sạch đầu dò, đường ống và các phụ kiện như cuvet dành cho máy phân tích sinh hóa Thành phần: NaOH 1 mol/L Can :2 lít, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7</p>	ml	24000
28	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ferritin	<p>THÀNH PHẦN THUỐC THỬ R1 (Đệm) Đệm TRIS (pH7.2) 120mM Các thành phần không phản ứng và chất bảo quản R2 (Latex) Các hạt Latex được phủ kháng thể thô chống lại Ferritin của người. Các thành phần không phản ứng và chất bảo quản. Hộp R1:2x14,5ml+R2:2x7,7ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc Châu Âu</p>	ml	2797.2
29	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Ferritin	<p>Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Ferritin Đạt tiêu chuẩn: CE; ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc Châu Âu</p>	ml	10
30	Chất kiểm chuẩn mức 1 cho các xét nghiệm độ đục	<p>Chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm Ferritin Đạt tiêu chuẩn: CE; ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc Châu Âu</p>	ml	12
31	Chất kiểm chuẩn mức 2 cho các xét nghiệm độ đục	<p>Chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm Ferritin Đạt tiêu chuẩn: CE; ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc Châu Âu</p>	ml	12
32	Hóa chất xét nghiệm định lượng Iron	<p>Thành phần: Acetat đệm pH 4,5 50 mmol / l chất tẩy rửa chất bảo quản R1A: acid ascorbic 30 mmol / l</p>	ml	2496

		R2: FerroZine 5 mmol / l Hộp: 4x65 mL + 4x13 mL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7		
33	Chất kiểm chuẩn mức 1 cho các xét nghiệm sinh hoá	Hoá chất kiểm chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hoá giải thấp Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Lọ: 1x5ml (Hộp 10x5ml) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	60
34	Chất kiểm chuẩn mức 2 cho các xét nghiệm sinh hoá	Hoá chất kiểm chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hoá giải cao Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Lọ: 1x5ml (Hộp 10x5ml) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Các nước thuộc G7	ml	60

1.2. Hóa chất xét nghiệm dùng cho Máy điện giải EXCBIO EA5400

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hóa chất cho máy phân tích điện giải	Mục đích sử dụng: Đề đo hàm lượng kali (K), natri (Na), clorua (Cl), canxi (Ca), pH và HCO ₃ ⁻ trong dịch cơ thể người. Bao gồm: 650ML dung dịch chuẩn A + 350ML dung dịch chuẩn B + 350ML dung dịch R Nguyên lý xét nghiệm Công nghệ điện cực chọn lọc ion (ISE) Thành phần: Dung dịch chuẩn A (mmol/L): K ⁺ : 4.00 ; Na ⁺ : 140.0 ; Cl ⁻ : 100.0 ; Ca ²⁺ : 1.0 Dung dịch chuẩn B (mmol/L) : K ⁺ : 8.00 ; Na ⁺ : 110.0 ; Cl ⁻ : 70.0 ; Ca ²⁺ : 2.0 R Liquid Lactate: 8.5-9.0% Tương thích với máy điện giải EXCBIO EA5400	ml	27000
2	Hóa chất kiểm chuẩn	Hóa chất kiểm chuẩn máy điện giải	ml	24
3	Dung dịch châm điện cực	Dung dịch dùng để châm điện cực	ml	15
4	Dung dịch vệ sinh hàng tuần	Dung dịch dùng để vệ sinh hàng tuần	ml	400

5	Dung dịch kiểm tra Na	Dung dịch dùng để kiểm tra Na	ml	200
6	Điện cực Kali		Cái	2
7	Điện cực Natri		Cái	2
8	Điện cực Clo		Cái	2
9	Điện cực Ca		Cái	2
10	Điện cực Ph		Cái	2
11	Điện cực trung tính		Cái	2

1.3. Hóa chất xét nghiệm dùng cho Máy huyết học Laser, model OX-580

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dung dịch pha loãng máu toàn phần xét nghiệm huyết học	<p>Dung dịch pha loãng là một dung dịch có độ dẫn và cường độ ion nhất định, có thể làm loãng máu và tạo thành dòng chảy trong vỏ bọc, cung cấp một môi trường ổn định cho đếm tế bào máu.</p> <p>Thành phần thuốc thử: Natri clorua, Natri Sunfat, Chất đệm; Kháng nấm và kháng khuẩn tổng hợp.</p> <p>Thông số kỹ thuật: Sản phẩm phải là chất lỏng trong suốt, không có hạt, cặn và bông cặn.</p> <p>Kết quả nền: $WBC \leq 0,2 \times 10^9 / L$, $RBC \leq 0,02 \times 10^{12} / L$, $HGB \leq 1g / L$, $PLT \leq 10 \times 10^9 / L$</p> <p>Hoàn toàn tương thích với Máy xét nghiệm huyết học Laser, model: OX580, hãng sản xuất: BALIO Diagnostics/ Pháp</p>	Lít	1820
2	Chất phá vỡ xác định Hemoglobin xét nghiệm huyết học	<p>Chất phá vỡ xác định Hemoglobin được sử dụng để phá vỡ màng tế bào hồng cầu và chuyển đổi hemoglobin thành một phức hợp hemoglobin để xác định HGB. Nó 2-phân biệt WBCs để BASO và các loại bạch cầu khác và xác định số lượng bạch cầu.</p> <p>Thuốc thử ly giải các tế bào hồng cầu (RBC) và phản ứng với hemoglobin (HGB) để đo HGB, số lượng bạch cầu (WBC) và Basophils (BAS).</p> <p>Thành phần thuốc thử: Chất hoạt động bề mặt; Chất đệm; Chất kháng nấm và kháng khuẩn.</p> <p>Thông số kỹ thuật: Sản phẩm là một chất lỏng trong suốt, không có hạt, kết tủa hoặc kết tủa. Kết quả: $WBC \leq 0,2 \times 10^9 / L$, $HGB \leq 1g / L$.</p> <p>Hoàn toàn tương thích với Máy xét nghiệm huyết học Laser, model: OX580, hãng sản xuất: BALIO</p>	ml	25500

		Diagnostics/ Pháp		
3	Chất phá vỡ tế bào xét nghiệm huyết học	<p>Chất phá vỡ tế bào được sử dụng để phá vỡ tế bào hồng cầu và kết hợp với chất phá vỡ tế bào hồng cầu để xác định 4 thành phần bạch cầu.</p> <p>Thành phần thuốc thử: Chất hoạt động bề mặt; Chất đệm; Chất kháng nấm và kháng khuẩn.</p> <p>Thông số kỹ thuật: Sản phẩm là một chất lỏng trong suốt, không có hạt, kết tủa hoặc kết tủa.</p> <p>Lý lịch kết quả: $WBC \leq 0,2 \times 10^9 / L$</p> <p>Hoàn toàn tương thích với Máy xét nghiệm huyết học Laser, model: OX580, hãng sản xuất: BALIO</p> <p>Diagnostics, Pháp</p>	mL	25500
4	Chất phá vỡ tế bào hồng cầu	<p>Chất phá vỡ tế bào hồng cầu được sử dụng để phá vỡ tế bào hồng cầu và kết hợp với chất phá vỡ tế bào để xác định 4 thành phần bạch cầu.</p> <p>Thành phần thuốc thử: Chất hoạt động bề mặt; Chất đệm; Chất kháng nấm và kháng khuẩn.</p> <p>Thông số kỹ thuật: Sản phẩm là một chất lỏng trong suốt, không có hạt, kết tủa hoặc kết tủa.</p> <p>Lý lịch kết quả: $WBC \leq 0,2 \times 10^9 / L$</p> <p>Hoàn toàn tương thích với Máy xét nghiệm huyết học Laser, model: OX580, hãng sản xuất: BALIO</p> <p>Diagnostics/ Pháp.</p>	Lít	72
5	Chất rửa hệ thống máy xét nghiệm huyết học	<p>Dung dịch rửa hệ thống được sử dụng trên máy phân tích huyết học để làm sạch và rửa thường xuyên kim hút và hệ thống ống trong máy.</p> <p>Thành phần thuốc thử: Natri clorua, Natri Sunfat, Chất đệm; Kháng nấm và kháng khuẩn tổng hợp.</p> <p>Thông số kỹ thuật: Sản phẩm phải là chất lỏng trong suốt màu vàng nhạt, không có hạt, cặn và floccs.</p> <p>Kết quả nền: $WBC \leq 0,2 \times 10^9 / L$, $RBC \leq 0,02 \times 10^{12} / L$, $HGB \leq 1g / L$, $PLT \leq 10 \times 10^9 / L$.</p> <p>Hoàn toàn tương thích với Máy xét nghiệm huyết học Laser, model: OX560/ OX580, Hãng sản xuất: BALIO</p> <p>Diagnostics/ Pháp.</p>	ml	200
6	Chất nội kiểm chất lượng mức trung bình xét nghiệm huyết học	<p>Là một sản phẩm kiểm soát huyết học được thử nghiệm ở mức bình thường, được sử dụng trong theo dõi hiệu suất của dòng máy xét nghiệm huyết học 5 thành phần rất hữu ích cho việc đánh giá độ chính xác của máy phân tích.</p> <p>Hoàn toàn tương thích với máy xét nghiệm huyết học; Model: OX560/ OX580, Hãng Sản xuất: BALIO</p> <p>Diagnostics/ Pháp</p>	ml	36
7	Chất nội kiểm chất lượng mức cao xét nghiệm huyết học	<p>Là một sản phẩm kiểm soát huyết học được thử nghiệm ở mức cao, được sử dụng trong theo dõi hiệu suất của dòng máy xét nghiệm huyết học 5 thành phần rất hữu ích cho việc đánh giá độ chính xác của máy phân tích.</p>	ml	36

		Hoàn toàn tương thích với máy xét nghiệm huyết học; Model: OX560/ OX580, Hãng Sản xuất: BALIO Diagnostics/ Pháp		
8	Ống nghiệm chân không kháng đông EDTA K2	+ Nút cao su (rubber) cùng nắp nhựa (cap) chất liệu PE (HDPE /LDPE) + Thân ống PET trong suốt với kích thước 13 x 75mm ($\pm 5\%$) có thể chịu lực ly tâm tối đa lên tới 10.000RCF hoặc 9.449rpm + Thể tích: 1ml, 2ml, 3ml, 4ml + Hoá chất chống đông bên trong ống: EDTA K2 phun sương thành ống và tách nước 80% + Nắp : Màu tím + Tiệt trùng : Đã tiệt trùng + Có vạch định mức thể tích lấu mẫu và vị trí ghi thông tin bệnh nhân trên tem + Không rò rỉ bệnh phẩm ngay cả khi quay ngược ống máu + Sản phẩm đạt chứng nhận ISO 13485:2016	Ống	52000

3. Địa điểm cung cấp: Hàng hóa được vận chuyển, bàn giao, nghiệm thu tại Kho của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang – Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Việc thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần khi hoàn thành việc giao hàng từng lần theo dự trù của Chủ đầu tư.

- Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 90 ngày kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế.

6. Các thông tin khác:

- Tài liệu có liên quan về hàng hóa báo giá (nếu có) gồm:

+ Sổ lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu phù hợp với trang thiết bị y tế báo giá theo quy định của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

- + Thông tin kê khai giá hoặc niêm yết giá và đường Link tra cứu (nếu có);
- + Hợp đồng cung cấp hàng hóa chào giá trong thời gian không quá 90 ngày tính đến thời điểm báo giá (nếu có);

- Tài liệu khác.

Đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam quan tâm báo giá./.

Nơi nhận:

- Công TT đơn vị;
- Lưu: VT, KD, HSĐT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Mạnh

MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang, chúng tôi.... [*ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh*] báo giá cho các loại hoá chất như sau:

1. Hoá chất xét nghiệm đề nghị báo giá như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất, Xuất xứ	Mã HS	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí hco các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1.											
2.											
Tổng giá trị thành tiền											
Bằng chữ:											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: **100 ngày**, kể từ ngày báo giá.

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng..... năm 20.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))